TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8- 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng
Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Đức T, sinh năm 1991 (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Mai Ngọc Q, sinh năm 2003 (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Mai Ngọc Q sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp nên không tiếp tục sống chung đã gần 03 năm. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Q.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Trọng Nhân, sinh ngày 26/12/2020 âm lịch, cháu hiện nay đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được nuôi dưỡng cháu Lê Trọng Nhân, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Mai Ngọc Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T nội dung hôn nhân, bà và ông T chung sống không có đăng ký kết hôn. Do không đăng ký kết hôn nên thời điểm không chung sống nữa hai bên đã thống nhất thoả thuận ly hôn, có sự chứng kiến của họ hàng. Nay bà đồng ý ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận giữa bà với ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Trọng Nhân, sinh ngày 07/02/2021. Từ lúc con sinh ra đến nay do bà nuôi dưỡng, thời điểm thoả thuận ly hôn với anh T thì thống nhất giao con cho bà nuôi và đồng ý cấp dưỡng. Nay yêu cầu Toà án giải quyết tiếp tục giao con cho bà nuôi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nữa.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thì ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Mai Ngọc Q, ông đồng ý giao con chung là Lê Trọng Nhân cho bà Q nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng. Đồng thời, vì điều kiện làm ăn xa, có khi theo tàu ghe ra biển sẽ không đảm bảo tham gia phiên họp, phiên toà theo triệu tập của Toà án nên ông yêu cầu Toà án giải quyết (xét xử) vắng mặt ông trong tất cả các phiên toà.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 19/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thì bị đơn bà Mai Ngọc Q cũng yêu cầu giải quyết ly hôn với ông T và được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do điều kiện nhà đơn chiếc, chăm sóc con nhỏ và bận làm ăn nên bà yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt bà trong tất cả phiên họp, phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Đức T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Mai Ngọc Q hiện đang cư trú tại địa chỉ ấp Nhà Máy B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Lê Đức T và bị đơn bà Mai Ngọc Q chung sống như vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Có đơn xin xác nhận về việc không đăng ký kết hôn của ông Lê Đức T được UBND xã Khánh Hưng xác nhận). Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định đã không sống cùng nhau đã lâu, do không có đăng ký kết hôn nên có tự thoả thuận ly hôn vào năm 2022, hiện ông T và bà Q thống nhất yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà Q chung sống như vợ chồng nhưng

không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng với nhau. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì không công nhận ông Lê Đức T và bà Mai Ngọc Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Lê Đức T và bà Mai Ngọc Q có 01 con chung là Lê Trọng Nhân, sinh ngày 07/02/2021 đang được bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao cháu Lê Trọng Nhân cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao Lê Trọng Nhân, sinh ngày 07/02/2021 cho bà Mai Ngọc Q có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên.

Ông Lê Đức T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bà Q.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Đức T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 228, 235, khoản 2 Điều 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Đức T và bà Mai Ngọc Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Lê Trọng Nhân, sinh ngày 07/02/2021 cho bà Mai Ngọc Q có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Đức T không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của bà Mai Ngọc Q.

3. Về án phí: Ông Lê Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đã qua ông T có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006739

ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Yến Phương